

1. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần

Trong đường lối cải cách và phát triển của nước ta hiện nay, Đảng và Nhà nước đã khẳng định nền kinh tế nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần trong đó khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, và do đó các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là lực lượng kinh tế chủ lực, là xương sống cho nền kinh tế quốc dân. Trong lịch sử phát triển của các nền kinh tế thế giới, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường thì đồng thời cũng hình thành một cơ cấu kinh tế hỗn hợp giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân. Với cơ cấu kinh tế hỗn hợp đó,

chỉ phối nền kinh tế mà chỉ có nhà nước mới có khả năng đảm nhận nổi, mà không có một thành phần kinh tế nào khác đủ khả năng làm được việc đó.

Thứ hai, các DNNN phải là đòn bẩy là công cụ mà nhà nước sử dụng để huy động vốn tập trung vào các lĩnh vực mang tính chất chiến lược của nền kinh tế, tập trung vào các hoạt động thu hút chuyển giao công nghệ, kỹ thuật quản lý... tạo cơ sở cho sự phát triển kinh tế. Thông qua các DNNN như là các đòn bẩy cho phép nhà nước tiến hành các chính sách, các giải pháp thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

một lượng vốn đầu tư lớn với những trang bị kỹ thuật công nghệ và nhân lực có trình độ cao thì hoạt động của các DNNN sẽ là một yếu tố quyết định đến việc hoàn thành những chỉ tiêu kinh tế đã đề ra.

Thứ tư, các DNNN là những đơn vị đi đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng hội nhập với nền kinh tế thế giới. Trong một nền kinh tế lạc hậu với lực lượng sản xuất còn rất yếu kém như Việt Nam, thì các DNNN được sử dụng như những công cụ trực tiếp nhằm huy động các nguồn lực kỹ thuật nhằm tiến hành quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá nền kinh

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH VÀ NHỮNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Thạc sĩ PHẠM VĂN NAM

tất yếu đòi hỏi có sự điều tiết của nhà nước, và nhà nước sử dụng DNNN như là một công cụ điều tiết, như là nội dung của sự phát triển. Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước có thể điều tiết và thúc đẩy gián tiếp vào nền kinh tế thông qua các chính sách vĩ mô hay tác động trực tiếp thông qua các DNNN đầu tư vào các ngành để sản xuất ra của cải vật chất thoả mãn nhu cầu của xã hội.

Đối với Việt Nam hiện nay, các DNNN có vai trò chủ đạo để bảo đảm sự cân đối, ổn định và bền vững trong phát triển kinh tế; bảo đảm kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội; có trách nhiệm khắc phục và hạn chế những khuyết tật của kinh tế thị trường. Điều đó có nghĩa là DNNN có vai trò chiến lược là giữ vững sự cân đối và ổn định trong phát triển kinh tế nhiều thành phần. Vai trò đó thể hiện qua các điểm chính sau:

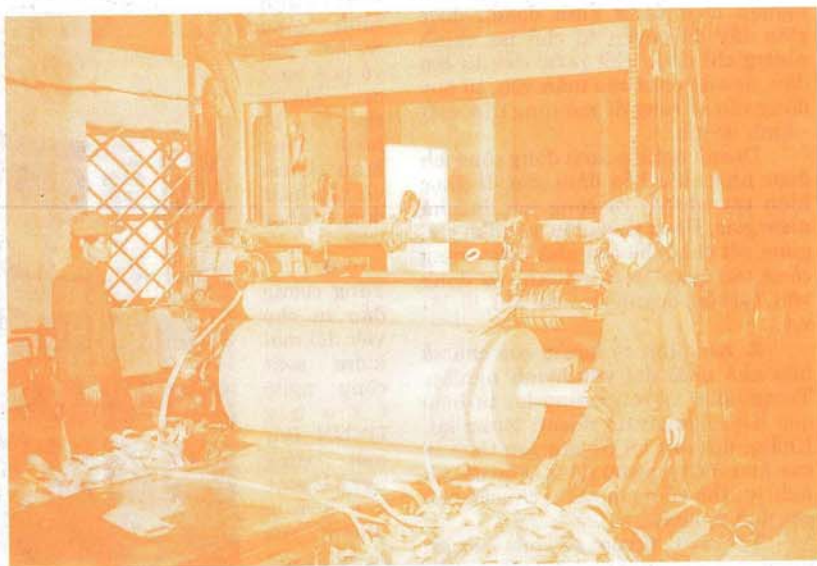
Thứ nhất, các DNNN phải giữ được vai trò chủ đạo trên thực tế, nắm giữ các ngành các lĩnh vực kinh tế có liên quan đến an ninh quốc phòng, các ngành then chốt của nền kinh tế. Sự có mặt của DNNN trong các ngành này có tác dụng điều chỉnh sự cân bằng của nền kinh tế, duy trì sự ổn định chính trị - xã hội. Điều này cho thấy tính chủ đạo của DNNN xuất phát từ vị trí chiến lược và khả năng

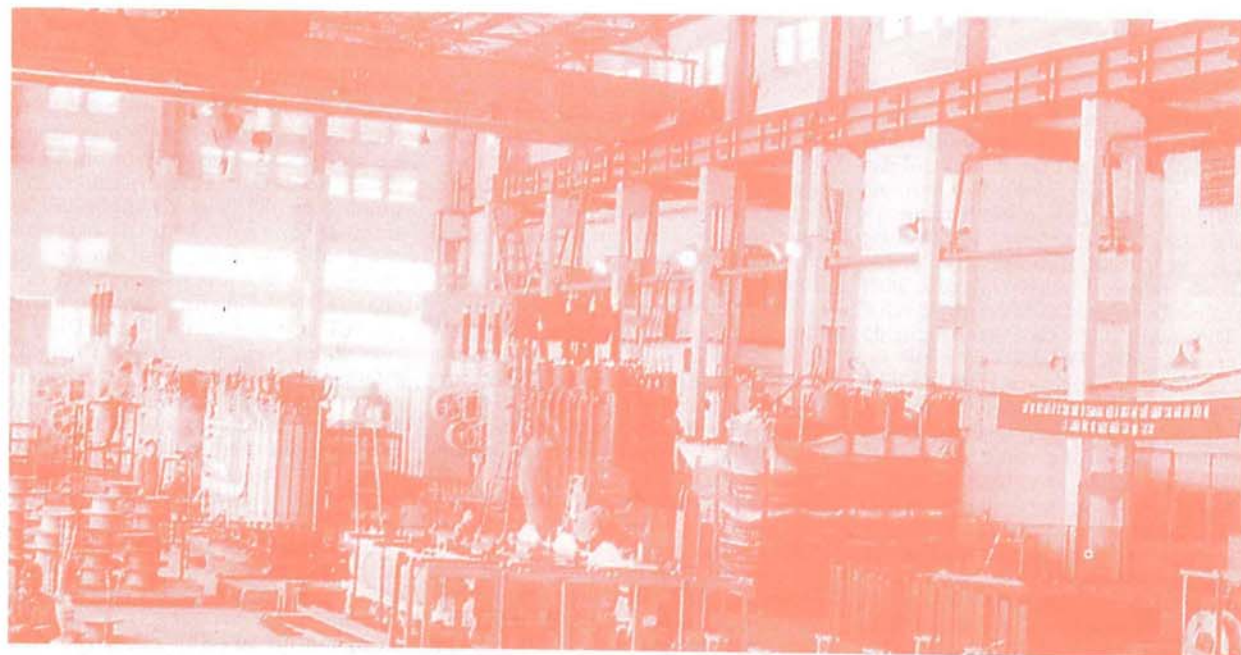
Thứ ba, các DNNN tham gia tích cực và có hiệu quả vào sự phát triển kinh tế bằng kết quả sản xuất kinh doanh của mình. Đối với Việt Nam hiện nay, khi tỉ trọng của khu vực DNNN trong GDP đang ở mức cao thì hiệu quả hoạt động của các DNNN có một tác động rất lớn đến sự tăng trưởng của nền kinh tế. Hơn nữa hiện nay khu vực DNNN đang chiếm giữ

tế. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời làm nhân tố để nâng cao chất lượng sản phẩm hướng tới xuất khẩu nhằm hoà nhập với nền kinh tế thế giới.

2 Quá trình cải cách các doanh nghiệp nhà nước - kết quả và thực trạng

Sau năm 1975, khi đất nước thống nhất, chúng ta đứng trước một cơ hội mới để xây dựng và phát triển.





Tuy nhiên do những khó khăn khách quan và chủ quan như hậu quả nặng nề của chiến tranh, xuất phát điểm quá thấp của nền kinh tế, sự bất ổn trong quan hệ với các nước láng giềng, và nhất là những sai lầm trong các chính sách kinh tế nên đến năm 1985 nền kinh tế nước ta rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Tính chung trong 10 năm (1976-1985) thu nhập quốc dân chỉ tăng bình quân mỗi năm 3,7%, giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp chỉ tăng bình quân mỗi năm 3,8%, còn giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng trung bình là 5,2%/năm. Sản xuất tăng trưởng chậm và lạm phát đã tăng lên mức 3 con số; năm 1986 siêu lạm phát đạt tới đỉnh cao là 774,7%. Đại hội Đảng lần thứ VI (12.1986) đã đưa ra đường lối đổi mới kinh tế nhằm thoát khỏi cuộc khủng hoảng và xác định động cơ chủ yếu của cải cách là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Công cuộc đổi mới nền kinh tế đã mang lại những thành tựu quan trọng, đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng và tạo những tiền đề vững chắc cho sự phát triển.

Cuộc cải cách kinh tế cho thấy vai trò của khu vực quốc doanh ngày càng quan trọng. Trước năm 1986 khu vực quốc doanh chiếm 38% GDP thì đến năm 1988 chiếm 40,2% GDP, tốc độ tăng bình quân của khu vực quốc doanh trong những năm này là 10,5% trong khi khu vực ngoài quốc doanh chỉ tăng 6,1%. Khi chuyển sang cơ chế hoạt động mới phần lớn các doanh nghiệp nhà nước đều thiếu vốn, kỹ thuật và lúng túng về phương thức hoạt động. Chính vì thế, một trong những nội dung cơ bản trong cải cách khu vực quốc doanh là cơ cấu lại và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước nhằm khắc phục sự dàn trải và nâng cao hiệu quả hoạt động của

các doanh nghiệp nhà nước. Để thực hiện việc sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước, nhiều biện pháp đã được thực hiện như đăng ký lại doanh nghiệp, giải thể các đơn vị hoạt động yếu kém, cổ phần hoá các doanh nghiệp, tổ chức các tổng công ty Nhìn chung các biện pháp thực hiện đã có những kết quả nhất định. Quá trình sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tiến hành qua các giai đoạn chủ yếu sau:

Giai đoạn 1 : (trước năm 1990) Tại đại hội Đảng lần thứ VI (12.1986) Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hoá và của thị trường. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã bị phê phán triệt để, khẳng định doanh nghiệp chuyển sang hạch toán kinh doanh. Trong thời gian này một số các chính sách đổi mới về xí nghiệp quốc doanh được ban hành như qui định tạm thời về quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở (Quyết định số 76/HĐBT ngày 26.6.1986); chính sách đổi mới kế hoạch hoá và hạch toán kinh doanh XHCN đối với xí nghiệp quốc doanh (Quyết định 217/HĐBT ngày 14.11.1987)... Trong thời kỳ này các doanh nghiệp được thành lập trên một qui mô rộng lớn cả ở cấp quận huyện, và không có sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trung ương và địa phương. Đến cuối năm 1989 cả nước có 12.296 DNNN, và đặc trưng cơ bản của các doanh nghiệp trong thời kỳ này là qui mô nhỏ, vốn ít và công nghệ lạc hậu. Sự dàn trải của các doanh nghiệp làm cho nguồn vốn đầu tư của nhà nước không thể tập trung để phát triển cho các ngành trọng điểm dẫn tới sự thiếu hụt vốn thường xuyên. Hơn nữa với cơ chế bao cấp, các doanh nghiệp

ít phát huy được tính sáng tạo và hoạt động một cách thụ động. Từ sau đại hội Đảng lần thứ VI, nền kinh tế Việt Nam từng bước chuyển sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước và bên cạnh các DNNN thì các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác cũng được nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp. Để có thể hoạt động một cách có hiệu quả và khẳng định vai trò nòng cốt của mình, các DNNN cần phải có những cải cách mạnh mẽ và triệt để. Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân ra đời vào năm 1990 là các mốc quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

Giai đoạn 2 (1990 - 1994) : Chủ yếu hướng vào việc tổ chức lại các doanh nghiệp, giải thể các doanh nghiệp yếu kém, củng cố các doanh nghiệp có khả năng hoạt động tốt. Chính phủ đã ban hành Nghị định 388/HĐBT, Quyết định 315/HĐBT và Chỉ thị 500/Ttg nhằm sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước đã làm giảm bớt đáng kể các DNNN hoạt động yếu kém. Nếu năm 1989 cả nước có 12.296 DNNN thì đến năm 1995 còn lại 6.310 doanh nghiệp. Trong số các doanh nghiệp bị mất đi có 35% là bị giải thể và 65% là sáp nhập vào các doanh nghiệp khác. Đa số các doanh nghiệp bị giải thể là các doanh nghiệp nhỏ, hoạt động không hiệu quả, và thua lỗ triền miên. Việc tổ chức lại DNNN đã làm tăng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, đưa số doanh nghiệp thua lỗ từ 35% tổng số doanh nghiệp vào năm 1990 xuống còn 9,7% vào năm 1994, và đưa số doanh nghiệp có lãi từ 63,5% trong năm 1991 lên 78% trong năm 1995 so với tổng số doanh nghiệp. Và lãi ròng trong khu vực này từ 3.275 tỷ đồng năm 1992 lên 7.157 tỷ năm 1994 và

tăng 13.480 tỷ đồng trong năm 1995. Hiệu quả sử dụng đồng vốn cũng tăng lên đáng kể, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đạt 19,2% và trên doanh thu đạt 5,55% trong năm 1995. Đối mới các DNNN còn làm giảm gánh nặng trợ cấp trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp, tỷ lệ các khoản trợ cấp trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các DNNN giảm từ 8,5% GDP xuống 0,5% GDP trong khi đó đóng góp của DNNN vào GDP lại tăng từ 32% trong năm 1994 lên 42% trong năm 1995. Trong giai đoạn này, công tác đổi mới sắp xếp các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào việc tổ chức quản lý và xây dựng cơ chế tự chủ cho doanh nghiệp, sáp nhập giải thể... để tạo ra một hệ thống hợp lý các doanh nghiệp cho nền kinh tế. Sự chuyển dịch cơ cấu của các DNNN vẫn chưa thực hiện được. Phần lớn các DNNN vẫn còn ở qui mô nhỏ, cơ cấu ngành vùng lãnh thổ chưa hợp lý.

Giai đoạn 3 (1994 - nay): Tiến hành sắp xếp tổng thể các doanh nghiệp để tạo ra một hệ thống các DNNN hợp lý và có hiệu quả, đảm nhận vai trò chủ đạo trong sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Trong thời gian này chính phủ đã thành lập 17 tổng công ty có qui mô quốc gia (Quyết định 91/Ttg) và 84 tổng công ty có qui mô nhỏ hơn (Quyết định 90/Ttg) nhằm tập trung vốn, kỹ thuật để tăng cường sức cạnh tranh và định hướng chiến lược của nhà nước trong các ngành kinh tế quan trọng. Các tổng công ty nhà nước này thu hút 1.750 DNNN là thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc, chiếm khoảng 30% tổng số DNNN đang hoạt động và khoảng 70% doanh nghiệp do trung ương quản lý. Các tổng công ty nhà nước hiện nay chiếm khoảng 80% sản lượng và vốn của khu vực DNNN, có khả năng chi phối vào toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Hiện nay cả nước có 5.952 DNNN, mặc dù số lượng doanh nghiệp giảm gần 50% so với năm 1989 song doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, đặc biệt trong các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, viễn thông. Một trong những nhiệm vụ của cải cách DNNN trong thời kỳ này là tiếp tục thực hiện cổ phần hoá, đa dạng hoá sở hữu một bộ phận DNNN. Hàng loạt những chính sách về cổ phần hoá ra đời, tính đến giữa năm 1999 có 172 doanh nghiệp có quyết định chuyển thành công ty cổ phần và 4 doanh nghiệp trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện nay các bộ, ngành, địa phương đang tích cực triển khai phân loại doanh nghiệp để thực hiện phương án sắp xếp lại doanh nghiệp theo chỉ thị số 20/1998/CT-Ttg của Thủ tướng chính

phủ. Qua các đợt sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, số lượng các doanh nghiệp có giảm hẳn nhưng mục tiêu cơ cấu lại các doanh nghiệp theo ngành và địa bàn để có một hệ thống hợp lý các DNNN vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra. Trong những năm gần đây, tuy qui mô đầu tư lớn nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DNNN không tăng lên tương ứng. Số doanh nghiệp thua lỗ tăng từ 22% năm 1996 lên đến 25% năm 1998. Việc sắp xếp lại các DNNN tuy có những chuyển biến tích cực và có những kết quả nhất định, nhưng vẫn còn những trở ngại và những nhược điểm làm cản trở các DNNN thực hiện vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế. Có thể nêu ra các nhược điểm chính như sau:

(1). Sau khi sắp xếp lại vẫn còn nhiều DNNN hoạt động kém hiệu quả, làm ăn thua lỗ. Tính đến đầu năm 1997 trong hơn 5.000 DNNN chỉ có khoảng 300 doanh nghiệp là hoạt động có hiệu quả và đóng góp hơn 80% tổng số nộp ngân sách của tất cả các DNNN, số còn lại là hoạt động kém hiệu quả, thậm chí có doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản.

(2). Cơ cấu DNNN trong các ngành nghề còn bất hợp lý và có sự dàn trải trong các ngành nghề, các địa phương. Cơ cấu ngành và vùng vẫn có cơ sự chồng chéo và số lượng các DNNN vẫn còn nhiều về số lượng và nhỏ về qui mô, vượt khỏi khả năng nguồn lực hiện có của nhà nước. Chỉ riêng việc bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp để đạt được mức 30% như chính phủ qui định đã phải cần 10.000 tỷ đồng, trong khi nhà nước chỉ hỗ trợ được khoảng 200 tỷ mỗi năm. Nhiều DNNN vẫn còn ở nhiều ngành nhiều lĩnh vực không nhất thiết cần phải có DNNN.

(3). Các DNNN hiện đang ở tình trạng thiếu vốn trầm trọng, mặc dù qui mô vốn bình quân của doanh nghiệp đã tăng từ 3,1 tỉ đồng lên 11,5 tỉ đồng nhưng hiện vẫn có khoảng 25% DNNN có số vốn bình quân dưới 1 tỷ đồng. Phần lớn các doanh nghiệp hiện nay chỉ bảo đảm khoảng 10% vốn lưu động, tức còn thiếu khoảng 20% để đạt được mức tối thiểu về vốn lưu động hoạt động. Tình trạng này dẫn tới các doanh nghiệp phải vay vốn ngắn hạn và chịu lãi suất cao nên hiệu quả đầu tư thấp, khó thu hồi vốn và khó trả nợ đến hạn, nhiều doanh nghiệp đứng trước nguy cơ mất khả năng thanh toán.

(4). Trình độ công nghệ kỹ thuật của các DNNN còn lạc hậu, trung bình trình độ công nghệ của các DNNN lạc hậu so với mặt bằng công nghệ thế giới là khoảng 20 năm. Có những doanh nghiệp có trang thiết bị quá lạc hậu, cách nay gần 50 năm

nhưng vẫn không được đổi mới. Các DNNN thuộc trung ương có tới 54,3% ở trình độ phổ thông 41% ở trình độ cơ khí và chỉ có 4,7% ở trình độ tự động hoá. Các DNNN thuộc địa phương trình độ còn thấp hơn. Vì trình độ công nghệ kỹ thuật kém nên năng suất lao động, chất lượng sản phẩm thấp làm khả năng cạnh tranh của các DNNN bị ảnh hưởng rất lớn.

(5). Cơ chế quản lý các DNNN còn những hạn chế và chưa theo kịp sự phát triển chung, có nhiều cơ quan quản lý doanh nghiệp nhưng lại không có những cơ quan nào chịu trách nhiệm về những hậu quả do các doanh nghiệp gây ra. Nhà nước chưa có những biện pháp có hiệu quả để thúc đẩy động lực hoạt động của các công ty, nhằm sử dụng hợp lý và tối ưu những nguồn lực mà các công ty hiện có. Xuất hiện tình trạng sử dụng các nguồn lực của công ty, thực chất là nguồn lực của nhà nước, vào việc phục vụ những lợi ích các nhân và những nhóm người hoạt động trong các doanh nghiệp.

(6). Hiệu quả sử dụng đồng vốn giảm dần. Nếu năm 1995, 1 đồng vốn tạo được 3,46 đồng doanh thu và 0,19 đồng lợi nhuận thì đến năm 1998 tương ứng là 3 đồng doanh thu và 0,16 đồng lợi nhuận. Số lao động dư thừa năm 1995 là 15% tăng lên 28% năm 1998.

Những yếu kém của các DNNN nêu trên có thể kể ra từ những nguyên nhân chính như sau:

Chưa nhận thức đầy đủ về vai trò chủ đạo của DNNN trong nền kinh tế thị trường nên chưa có một hệ thống các chính sách vĩ mô hợp lý. Hệ thống pháp luật liên quan đến DNNN chưa thật sự hoàn thiện, chưa tạo điều kiện cho các DNNN chủ động hoàn toàn trong sản xuất kinh doanh, như những vấn đề về cơ cấu tổ chức, mô hình các công ty, tổ chức quản lý các doanh nghiệp...

Những ảnh hưởng của cơ chế cũ vẫn còn tác động đến các doanh nghiệp. Sự can thiệp quá sâu của cơ quan quản lý nhà nước vào hoạt động của các doanh nghiệp, còn quá nhiều đầu mối quản lý và các cấp trung gian trong việc điều hành các doanh nghiệp, việc phân cấp của các cơ quan quản lý doanh nghiệp còn chồng chéo gây phiền nhiễu cho các doanh nghiệp.

Việc sắp xếp và đổi mới các DNNN vẫn còn chậm, việc chuyển đổi doanh nghiệp trong cơ cấu ngành còn chưa đạt mục tiêu. Vấn đề cổ phần hoá và chuyển đổi cơ cấu sở hữu của DNNN còn diễn ra chậm, chưa tương xứng với nhu cầu phát triển.

Các doanh nghiệp còn có hiện tượng ỷ lại vào nhà nước, nhiều doanh nghiệp còn chưa thích nghi tốt

với cơ chế kinh tế thị trường, không phát huy được tiềm năng của mình trong sản xuất kinh doanh.

Cơ chế hoạt động của các tổng công ty vẫn còn mang nặng hình thức hành chính, tổ chức còn mang tính gán ghép thu gom đầu mối dẫn tới mối quan hệ giữa các thành viên chưa chặt chẽ, làm giảm sức mạnh của tổng công ty. Thậm chí có hiện tượng các thành viên tự cạnh tranh lẫn nhau làm suy yếu nội lực của tổng công ty.

3. Những chính sách cơ bản nhằm nâng cao vai trò chủ đạo và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước

Để phát huy được vai trò của DNNN, cần phải có những chính sách và những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp đặc biệt là đổi mới về tổ chức quản lý, những chính sách vĩ mô, đổi mới về cơ cấu ngành và cơ cấu sở hữu... Trước hết cần nhấn mạnh những quan điểm trong việc tiếp tục đổi mới các DNNN, từ những quan điểm này các chính sách và giải pháp đề ra mới có tính nhất quán và hệ thống.

Một là, tiếp tục củng cố và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, trong đó các DNNN là nòng cốt. Xây dựng những tập đoàn kinh tế mạnh làm xương sống cho nền kinh tế quốc dân, hoàn thiện mô hình tổ chức và vận hành các tổng công ty.

Hai là, tiếp tục việc phân loại và sắp xếp các DNNN với tư tưởng chỉ đạo là nắm giữ các DNNN quan trọng và hoạt động có hiệu quả. Ưu tiên giải pháp cổ phần hoá, mạnh dạn áp dụng những biện pháp chuyển đổi sở hữu.

Ba là, trong quá trình cải cách các DNNN, cần đặt các doanh nghiệp vào môi trường kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh, tôn trọng những qui luật vận động của thị trường.

a. Đổi mới những chính sách vĩ mô hỗ trợ sự phát triển của DNNN

Một trong những điều kiện phát triển của DNNN là phải có những chính sách vĩ mô hợp lý, các DNNN không thể phát huy được vai trò của nó nếu không có một môi trường kinh doanh hợp lý, công bằng và thuận lợi. Môi trường kinh doanh là tổng thể các yếu tố tác động đến doanh nghiệp trong đó những chính sách vĩ mô của nhà nước là những tác động quan trọng và mạnh mẽ nhất.

Chính sách tài chính tiền tệ: tiếp tục đổi mới những chính sách tài chính tiền tệ nhằm thu hút vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp. Tích cực hình thành thị trường chứng khoán để tạo điều kiện cho thị trường vốn trung và dài hạn hoạt động, đồng thời có những cơ chế, chính sách quản lý và kiểm soát phù hợp bảo đảm cho doanh nghiệp có khả năng huy động

vốn. Mở rộng quyền quyết định của doanh nghiệp trong các vấn đề sản xuất kinh doanh, như đầu tư mua sắm thanh lý tài sản, các khoản chi phí...

Chính sách thương mại: trong xu thế phát triển hiện nay, sự phát triển của các nền kinh tế thường có mối liên hệ và phụ thuộc với nhau ngày càng nhiều hơn, do đó việc sử dụng hàng rào quan thuế để bảo hộ sản xuất trong nước ngày càng thu hẹp lại. Đối với điều kiện sản xuất của Việt Nam hiện nay còn nhiều yếu kém thì việc mở cửa hoà nhập với các nước sẽ tạo một áp lực rất lớn cho các DNNN, vì thế chính sách thương mại của nhà nước cần theo hướng duy trì bảo hộ có thời hạn những mặt hàng sản xuất trong nước cần có thời gian để củng cố, bảo hộ hàng xuất khẩu bằng những công cụ tín dụng, thuế xuất nhập khẩu nhằm khuyến khích các doanh nghiệp hướng tới xuất khẩu, tạo tính cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới.

Chính sách thuế: các chính sách thuế cần thực hiện theo hướng cơ trọng mục tiêu khuyến khích phát triển sản xuất, bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách.

Chính sách giải quyết lao động trong các DNNN: nhà nước cần có những chính sách giải quyết các lao động dư thừa trong khu vực DNNN, giúp các doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn trong vấn đề giải quyết lao động dư thừa, bảo đảm quyền lợi cho người lao động và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội.

b. Các chính sách đổi mới cơ chế quản lý DNNN

Tạo điều kiện cho các DNNN có thể cạnh tranh một cách công bằng và bình đẳng trên thị trường, cần phải tách mục tiêu phi thương mại ra khỏi các doanh nghiệp kinh doanh, xoá bỏ các lợi thế so sánh và những phân biệt giữa DNNN với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Phân biệt rõ quyền của chủ sở hữu nhà nước và quyền của pháp nhân doanh nghiệp, nhà nước không trực tiếp quản lý doanh nghiệp mà thông qua đại diện của mình trong bộ máy quản lý để điều hành doanh nghiệp theo luật pháp. Mở rộng quyền tự chủ của doanh nghiệp, các DNNN có quyền tự do kinh doanh theo pháp luật. Chuyển đổi cơ chế kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp từ cơ chế kiểm soát quá trình ra quyết định sang kiểm tra hướng vào việc đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu mà doanh nghiệp đã đề ra.

c. Tổ chức sắp xếp lại hệ thống DNNN

Việc tổ chức sắp xếp lại các DNNN cần dựa trên qui hoạch phát

triển toàn diện nền kinh tế, gắn với việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư là giảm số lượng các doanh nghiệp thừa, hình thành các tổng công ty các tập đoàn kinh tế mạnh làm xương sống cho nền kinh tế. Cần tiến hành sắp xếp và phân loại các DNNN theo tiêu thức doanh nghiệp hoạt động công ích và doanh nghiệp kinh doanh. Trong đó các doanh nghiệp kinh doanh sẽ lấy thước đo cơ bản là hiệu quả kinh doanh, các doanh nghiệp công ích sẽ lấy hiệu quả phục vụ chính trị - xã hội làm thước đo chính. Những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài cần có áp dụng những biện pháp xử lý thích hợp như sáp nhập, cho thuê, khoán kinh doanh hay phá sản theo luật. Các doanh nghiệp kinh doanh sẽ được chia làm 3 loại:

Loại 1: Những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân, những ngành mà khu vực tư nhân không có khả năng đầu tư. Nhà nước cần có ưu tiên vốn và có sự hỗ trợ thích hợp cho từng lãnh vực hoạt động

Loại 2: Những doanh nghiệp có qui mô lớn hoạt động có hiệu quả, có khả năng cạnh tranh thì nhà nước giữ cổ phần chi phối, nhằm thu hút các nguồn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác.

Loại 3: Là các doanh nghiệp còn lại, nhà nước đẩy nhanh cổ phần hoá, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào sản xuất.

Trên cơ sở sắp xếp và cơ cấu lại DNNN, tiếp tục đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá các DNNN, là một giải pháp quan trọng và hữu hiệu để nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN, tăng cường huy động vốn tiềm tàng trong dân cư đầu tư vào phát triển các doanh nghiệp.

d. Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp

Để tạo điều kiện cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, cần tiến hành cải cách triệt để cơ cấu tổ chức quản lý các DNNN. Cần có một mô hình tổ chức áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp, nâng cao vai trò vị trí của hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp, có những cơ chế bảo đảm cho hội đồng quản trị thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. Các giám đốc là người thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị, trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp và do hội đồng quản trị bổ nhiệm miễn nhiệm, các giám đốc có thể do HĐQT trực tiếp thuê và tuyển chọn. Nâng cao vai trò của Ban kiểm soát, cần có những qui định về thực hiện hạch toán nội bộ và kiểm toán đối với các hoạt động của doanh nghiệp ■